

Bản án số: **04** /2021/DS-ST.

Ngày: 18/4/2021

Về việc: *T/c Hợp đồng vay TS*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Hoàng Văn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: 1, Anh Vũ Cảnh Ph, sinh năm 1979

Nơi ĐK HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Hiện đang bị tạm giam Tại trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

2, Chị Phạm Mỹ H1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19/9/2019 anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có vay của chị Vũ Thị H. số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Khi vay có viết giấy vay tiền với nội dung anh Ph. chị H1. vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của H, thời gian vay từ ngày 19/9/2019 đến ngày 19/10/2019 với lãi suất đã thỏa thuận, giấy vay tiền có chữ ký của người vay tiền là anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1.

Quá trình thực hiện hợp đồng thể hiện, tháng 4, 5/2020 anh Vũ Cảnh Ph. chuyển khoản trả cho chị Vũ Thị H. mỗi tháng 6.000.000 đồng, tổng cộng 2 tháng là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) qua tài khoản ngân hàng BIDV của anh Ph. đến tài khoản

ngân hàng AGRIBANK của H. Ngoài ra, không thể hiện việc anh Ph. trả cho H. khoản tiền nào khác.

Sau đó, H. có đòi nhiều lần nhưng do anh Ph. và chị H1. không trả được tiền nên H. đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Vũ Cảnh Phương và chị Phạm Mỹ H1. có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị H. số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu giải quyết về tiền lãi.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị H. trình bày: Ngày 19/9/2019 chị có cho anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, khi vay có thể hiện lãi suất theo thỏa thuận miệng giữa 2 bên. Sau đó, anh Ph. chị H1. mới trả cho chị được số tiền 12.000.000 đồng, ngoài ra không trả cho chị được khoản tiền nào khác. Chị xác định số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng anh Ph. trả qua tài khoản ngân hàng chị nhận được là anh Ph. trả tiền lãi, còn số tiền nợ gốc anh Ph. chưa trả cho chị được đồng nào. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết buộc anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, không yêu cầu giải quyết về lãi suất.

Lời khai của bị đơn anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 19/9/2019 anh Ph. và chị H1. có được vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng của chị Vũ Thị H. là thực tế. Từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020, mỗi tháng anh Ph. có trả trực tiếp tiền mặt cho chị Vũ Thị H. là 6.000.000 đồng; từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2020 anh chuyển khoản cho H. qua tài khoản ngân hàng, mỗi tháng 6.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng anh Ph. đã trả cho H. được 8 tháng = 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng Từ tháng 6/2020 đến nay anh chị có khó khăn về tài chính nên chưa trả được tiền cho H. Nay anh Ph. và chị H1. xác định chỉ còn nợ H. số tiền là 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng và nhất trí anh Ph. sẽ là người có trách nhiệm trả số tiền trên cho chị Vũ Thị H. vì hiện tại anh chị đã ly hôn, khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận chị H1. là người trực tiếp nuôi con, anh Ph. có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 19/9/2019 thể hiện anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có vay của chị Vũ Thị H. số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Ph. đã trả được cho H. số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Anh Ph. chị H1. có quan điểm số tiền trên là trả tiền gốc cho H.; H. có quan điểm số tiền trên là trả tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trên là trả tiền lãi. Theo giấy vay tiền không thể hiện về lãi suất nên xác định số tiền anh Ph. trả cho H. là tiền gốc và được trừ vào số tiền gốc anh Ph. chị H1. nợ H. Do vậy, căn cứ Điều 280, 466 - Bộ luật Dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. cùng có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị H. số tiền nợ gốc là 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng, chia ra mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị

HĐXX giải quyết về lãi suất, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có ĐKKHKT tại: tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo Giấy vay tiền thể hiện ngày 19/9/2019 anh Ph. chị H1. có vay 100.000.000 đồng của H, nhưng sau đó anh Ph. chị H1. không trả được tiền cho H. nên H. có đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết buộc anh Ph. và chị H1. có nghĩa vụ trả cho H. số tiền gốc đã vay. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự, căn cứ bản chính Giấy vay tiền do chị Vũ Thị H. cung cấp, thể hiện: Ngày 19/9/2019 anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có vay số tiền 100.000.000 đồng của chị Vũ Thị H, hẹn đến ngày 19/10/2019 trả tiền. Tuy nhiên, anh Ph. và chị H1. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Ph. chị H1. có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho H. là có cơ sở, phù hợp thỏa thuận trong Giấy vay tiền và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có quan điểm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng anh chị đã trả cho H. được 1 phần tiền nợ gốc là 48.000.000 đồng bằng hình thức mỗi tháng trả 6.000.000 đồng đưa trực tiếp tiền mặt cho H. từ tháng 10/2019 – 3/2020, chỉ có tháng 4 và 5/2020 là trả qua tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên anh Ph. và chị H1. không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền trực tiếp cho H. để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình do vậy, HĐXX không có cơ sở xem xét.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa H. thừa nhận anh Ph. có chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho chị số tiền 12.000.000 đồng trong 2 tháng 4, 5/2020 và xác định đây là số tiền anh Ph. chị H1. trả lãi, không phải trả gốc. Tuy nhiên H. không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền trên là trả tiền lãi, quá trình giải quyết và tại phiên tòa H. không xác định được việc thỏa thuận lãi suất giữa 2 bên là như thế nào, trong giấy vay tiền chỉ thể hiện lãi theo thỏa thuận nhưng không thể hiện mức lãi, căn cứ tính lãi, số tiền lãi phải trả.. nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa H. thừa nhận anh Ph. và chị H1. đã trả được cho chị số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, do không có căn cứ xác định là tiền lãi nên số tiền trên được tính là tiền gốc và được trừ vào số tiền gốc anh Ph. chị H1. đã vay của H.

Do hiện tại anh Vũ Cảnh Ph. đang bị bắt tạm giam về hành vi Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản, anh Ph. và chị H1. không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự đối với anh Ph. và chị H1. của TAND huyện Sơn Dương không thể hiện việc thỏa thuận trả nợ, tại giấy vay tiền ngày 19/9/2019 có chữ ký

của cả anh Ph. và chị H1. nên cần buộc anh Ph. và chị H1. cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho H, không chấp nhận quan điểm một mình anh Ph. có nghĩa vụ trả nợ của anh Ph. và chị H1. như trình bày.

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H. buộc anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Vũ Thị H. số tiền còn nợ gốc là 100.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả 12.000.000 đồng, anh Ph. chị H1. còn có nghĩa vụ trả cho H. số tiền nợ gốc là 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng chia ra mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng. Do H. không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét về lãi suất.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Do Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn anh Ph. và chị H1. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

H. không phải chịu án phí, trả lại cho H. số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, buộc anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Vũ Thị H. số tiền nợ gốc là **88.000.000** đồng (tám mươi tám triệu đồng), chia ra mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị H. số tiền **44.000.000** đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Anh Vũ Cảnh Ph. và chị Phạm Mỹ H1. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) chia ra mỗi người phải nộp số tiền án phí là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng)

Chị Vũ Thị H. không phải chịu án phí dân sự, trả lại cho H. số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003652 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn H. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ph, chị H1. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh, huyện (02 bản);
- CC THA DS huyện SD (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Vượng - Hoàng Văn Hùng

Tạ Hồng Chiến